

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG HÓA SÀI GÒN

MỤC LỤC

| | Trang |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 13 - 41 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305654014 (số cũ là 4103009937), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 41121000112 ngày 20 tháng 4 năm 2009 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 12 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028.39976930
- Fax : 028.39976840

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
- Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dạy nghề.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------------|
| Bà Bùi Thị Thu Hương | Chủ tịch | Ngày 07 tháng 8 năm 2013 |
| Ông Phan Lê Hoan | Phó Chủ tịch | Ngày 07 tháng 8 năm 2013 |
| Ông Lương Hoài Nam | Phó Chủ tịch | Ngày 07 tháng 8 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Quốc Khánh | Thành viên | Ngày 21 tháng 4 năm 2008 |
| Ông Phạm Bích Vượng | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Đoàn Ngọc Cương | Thành viên | Ngày 21 tháng 4 năm 2008 |
| Ông Lê Xuân Lộc | Thành viên | Ngày 31 tháng 10 năm 2012 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc | Thành viên | Ngày 22 tháng 6 năm 2012 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------|
| Ông Bùi Á Đông | Trưởng ban | Ngày 18 tháng 5 năm 2013 |
| Ông Khoa Năng Lưu | Thành viên | Ngày 18 tháng 5 năm 2013 |
| Bà Trần Thị Huyền Trân | Thành viên | Ngày 18 tháng 5 năm 2013 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Khánh | Tổng Giám đốc | Ngày 22 tháng 4 năm 2008 |
| Ông Tô Hiến Phương | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 01 tháng 8 năm 2009 |
| Ông Nguyễn Thái Sơn | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 01 tháng 4 năm 2010 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Khánh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Thu Hương
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 02 năm 2018





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0232/2018/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 21 tháng 02 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0093-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 236.245.267.504 | 162.853.442.173 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 47.313.663.845 | 91.576.078.070 |
| 1. Tiền | 111 | | 47.313.663.845 | 39.576.078.070 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 52.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 124.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 124.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 63.308.707.053 | 59.822.247.333 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 54.978.753.730 | 51.046.635.810 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 3.337.193.769 | 7.050.372.818 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 4.992.759.554 | 1.775.417.518 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | (50.178.813) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 4.378.187 | 3.937.949 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 4.378.187 | 3.937.949 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.618.518.419 | 1.451.178.821 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 1.618.518.419 | 1.451.178.821 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 753.386.070.484 | 804.286.376.957 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 221.000.000 | 3.291.565.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 221.000.000 | 3.291.565.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 578.421.290.064 | 620.796.310.915 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 570.042.693.483 | 577.771.718.109 |
| - Nguyên giá | 222 | | 840.610.110.756 | 774.447.194.557 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (270.567.417.273) | (196.675.476.448) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.8 | - | 37.379.364.608 |
| - Nguyên giá | 225 | | - | 64.851.658.199 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | (27.472.293.591) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 8.378.596.581 | 5.645.228.198 |
| - Nguyên giá | 228 | | 20.925.962.285 | 15.339.962.285 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (12.547.365.704) | (9.694.734.087) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 100.497.472.887 | 107.096.517.893 |
| - Nguyên giá | 231 | | 143.178.724.287 | 143.178.724.287 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (42.681.251.400) | (36.082.206.394) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 6.807.658.938 | 4.130.258.591 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 6.807.658.938 | 4.130.258.591 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 67.438.648.595 | 68.971.724.558 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 65.357.986.172 | 66.584.188.632 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 2.080.662.423 | 2.387.535.926 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 989.631.337.988 | 967.139.819.130 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 75.239.753.514 | 197.881.588.360 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 54.409.120.660 | 71.979.836.769 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 3.494.202.221 | 8.573.716.970 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 451.369.841 | 68.510.883 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 20.596.774.774 | 9.586.869.174 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 13.878.619.332 | 25.925.015.494 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 398.267.237 | 1.746.957.261 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.17a | 6.602.100.000 | 6.752.373.970 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a,c | 2.189.575.030 | 1.458.697.295 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a,c | 6.736.770.480 | 17.806.253.880 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 61.441.745 | 61.441.842 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 20.830.632.854 | 125.901.751.591 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.17b | 7.000.000.000 | 13.600.000.000 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b,c | 10.474.078.099 | 9.763.200.920 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b,c | 3.356.554.755 | 63.929.080.449 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | V.20 | - | 38.609.470.222 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 914.391.584.474 | 769.258.230.770 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 914.391.584.474 | 769.258.230.770 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21 | 571.757.000.000 | 533.772.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 499.857.000.000 | 461.872.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | 71.900.000.000 | 71.900.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.21 | 20.699.432.342 | 11.707.724.651 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | V.21 | - | 2.462.107.691 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.21 | 2.090.557.577 | 2.090.557.577 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21 | 319.844.594.555 | 219.225.840.851 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 5.383.440.851 | 219.225.840.851 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 314.461.153.704 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 989.631.337.988 | 967.139.819.130 |



Ngô Thị Anh Thư
Người lập



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 588.317.321.226 | 495.913.075.742 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 588.317.321.226 | 495.913.075.742 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 135.442.650.305 | 136.902.947.156 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 452.874.670.921 | 359.010.128.586 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 5.020.424.549 | 1.940.688.466 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 5.195.810.674 | 13.386.085.369 |
| Trong đó: chi phí lãi vay và thuê tài chính | 23 | | 3.590.519.567 | 12.562.296.191 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 65.571.891.679 | 69.993.989.952 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 387.127.393.117 | 277.570.741.731 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 886.329.541 | 235.297.243 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 3.574.967.517 | 2.450.280.469 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.688.637.976) | (2.214.983.226) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 384.438.755.141 | 275.355.758.505 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 39.977.601.437 | 30.129.916.998 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 344.461.153.704 | 245.225.841.507 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a | 6.515 | 5.143 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8b | 6.492 | 4.761 |



Ngô Thị Anh Thu
Người lập



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 384.438.755.141 | 275.355.758.505 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.7,8,9,10 | 55.871.323.857 | 54.428.927.118 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (50.178.813) | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | 73.927.863 | 296.586.128 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (4.942.753.144) | (1.203.263.322) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 3.590.519.567 | 12.562.296.191 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 438.981.594.471 | 341.440.304.620 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 1.487.328.401 | (10.365.366.611) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 306.433.265 | (3.601.650) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (26.267.042.966) | 15.458.825.282 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.058.862.862 | 2.914.352.629 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (4.685.085.441) | (12.115.639.261) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (30.210.778.954) | (38.484.297.273) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (6.000.000.097) | (2.734.590.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 374.671.311.541 | 296.109.987.736 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.7,9,11 | (4.383.394.820) | (12.467.076.450) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (242.000.000.000) | (10.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 128.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.3 | 3.063.369.811 | 1.203.263.322 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (115.320.025.009) | (21.263.813.128) |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 5.337.000.000 | 4.800.000.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19a,b | (47.631.356.815) | (55.185.713.524) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.19a,b | (23.998.596.390) | (12.000.000.000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.18a, V.21 | (237.261.259.300) | (143.143.497.970) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(303.554.212.505)</i> | <i>(205.529.211.494)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (44.202.925.973) | 69.316.963.114 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.I | 91.576.078.070 | 22.167.360.694 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (59.488.252) | 91.754.262 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.I | 47.313.663.845 | 91.576.078.070 |



Ngô Thị Anh Thư
Người lập



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
- Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dạy nghề.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 454 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 388 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2 (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2 (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, công cụ, dụng cụ và chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị quyền khai thác khu đất

Giá trị quyền khai thác khu đất 14,3 ha thể hiện khoản tiền Công ty đã thỏa thuận nhận góp vốn của Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (trước đây là Công ty Sửa chữa máy bay A41). Giá trị quyền khai thác này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian khai thác là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (xem thuyết minh V.6b).

Bắt đầu từ ngày 01/01/2017, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc phân bổ Giá trị quyền khai thác khu đất từ phân bổ theo phương pháp đường thẳng sang không phân bổ theo Biên bản làm việc ngày 18 tháng 10 năm 2017 với Cục Thuế TP HCM.

Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 45 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 – 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |
| Tài sản cố định khác | 04 – 05 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 10 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà | 45 |
| Cơ sở hạ tầng | 10 - 20 |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi là nợ có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành. Công ty đã xác định rõ trong hợp đồng là hình thức “Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi”.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ chuyển đổi được xác định riêng biệt cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi nợ chuyển đổi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của nợ tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành nợ được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn nợ theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành nợ chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của nợ nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của nợ nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành nợ chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của nợ chuyển đổi.

Tại thời điểm đáo hạn nợ chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ nợ có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi nợ thành cổ phiếu, phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc nợ. Trường hợp người nắm giữ nợ thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu (nợ chuyển đổi)

Quyền chọn chuyển đổi nợ là giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi do Công ty phát hành tại thời điểm báo cáo, được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn chuyển đổi nợ được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu. Khi đáo hạn nợ, giá trị quyền chọn được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 3.263.094.481 | 2.959.758.927 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 44.050.569.364 | 36.616.319.143 |
| Tiền đang chuyển | - | - |
| Các khoản tương đương tiền | - | 52.000.000.000 |
| Cộng | 47.313.663.845 | 91.576.078.070 |

2. Khoản đầu tư tài chính

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Cộng | 124.000.000.000 | 124.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các liên quan</i> | <i>600.222.243</i> | <i>3.773.704</i> |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam | 600.222.243 | - |
| Công ty Cổ Phần Gemadep | - | 3.773.704 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>54.378.531.487</i> | <i>51.042.862.106</i> |
| Công ty Cổ Phần Vietjet Air Cargo | 8.035.812.295 | 5.482.852.694 |
| Emirates Airlines | 5.180.222.399 | 5.854.507.635 |
| Các khách hàng khác | 41.162.496.793 | 39.705.501.777 |
| Cộng | 54.978.753.730 | 51.046.635.810 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Truyền Thông DTS | - | 4.197.271.127 |
| Công ty TNHH Nhà Thép Đức Thiện Long An | 790.998.500 | 1.833.038.900 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt tại Tân Phú -TPHCM | 739.944.300 | - |
| Công ty TNHH xe nâng Tín Quang | 488.180.000 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Dân Cường | 379.500.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 938.570.969 | 1.020.062.791 |
| Cộng | <u>3.337.193.769</u> | <u>7.050.372.818</u> |

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 489.000.000 | | - | |
| Công TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 - Ứng kinh phí cho dự án SCSC 2 | 489.000.000 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 4.503.759.554 | - | 1.775.417.518 | - |
| Tạm ứng | 1.227.446.009 | - | 232.529.486 | - |
| Tiền thuế thu nhập cá nhân được hoàn | 897.947.623 | - | 174.466.617 | - |
| Thuế giá trị gia tăng đầu vào tạm ghi nhận | 280.858.044 | - | 276.674.030 | - |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 2.001.183.333 | - | 121.800.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 96.324.545 | - | 969.947.385 | - |
| Cộng | <u>4.992.759.554</u> | - | <u>1.775.417.518</u> | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.460.293.462 | 1.231.518.295 |
| Chi phí bảo hiểm | 51.433.290 | 136.458.934 |
| Chi phí cái tạo và di dời văn phòng | - | 53.189.092 |
| Chi phí đồng phục | 106.791.667 | 30.012.500 |
| Cộng | <u>1.618.518.419</u> | <u>1.451.178.821</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 232.260.905 | 767.953.240 |
| Giá trị quyền khai thác khu đất (*) | 60.650.340.135 | 60.650.340.135 |
| Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán tài sản cố định đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính | 4.475.385.132 | 5.102.864.757 |
| Chi phí khác | - | 63.030.500 |
| Cộng | <u>65.357.986.172</u> | <u>66.584.188.632</u> |

(*) Giá trị quyền khai thác khu đất 14,3 ha với thời gian 49 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu (ngày 08 tháng 4 năm 2008), theo Văn bản thỏa thuận nguyên tắc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn ngày 17 tháng 3 năm 2008 giữa các cổ đông sáng lập và Hợp đồng Hợp tác Khai thác Dịch vụ Tổng hợp Hàng không trên khu đất quốc phòng 14,3 ha tại Sân bay Tân Sơn Nhất số 01/2015/PKKQ-SCSC ngày 04 tháng 02 năm 2015 giữa Công ty và Quân chủng Phòng không Không quân – đơn vị chủ quản của Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41, tổng giá trị là 71.900.000.000VND.

7. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u> |
|----------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 457.335.550.823 | 58.848.707.704 | 229.050.219.361 | 28.717.704.397 | 495.012.272 | 774.447.194.557 |
| Mua trong năm | - | 54.000.000 | 1.216.000.000 | 41.258.000 | - | 1.311.258.000 |
| Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính | - | 61.058.712.000 | 3.792.946.199 | - | - | 64.851.658.199 |
| Số cuối năm | <u>457.335.550.823</u> | <u>119.961.419.704</u> | <u>234.059.165.560</u> | <u>28.758.962.397</u> | <u>495.012.272</u> | <u>840.610.110.756</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 677.788.762 | 1.882.018.147 | 7.695.828.717 | 1.002.465.767 | 495.012.272 | 11.753.113.695 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 74.473.771.206 | 21.172.486.767 | 84.513.989.469 | 16.020.216.734 | 495.012.272 | 196.675.476.448 |
| Khấu hao trong năm | 15.846.325.094 | 5.570.755.971 | 17.771.268.336 | 3.096.573.543 | - | 42.284.922.944 |
| Kết chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính | - | 29.453.442.157 | 2.153.575.724 | - | - | 31.607.017.881 |
| Số cuối năm | <u>90.320.096.300</u> | <u>56.196.684.895</u> | <u>104.438.833.529</u> | <u>19.116.790.277</u> | <u>495.012.272</u> | <u>270.567.417.273</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 382.861.779.617 | 37.676.220.937 | 144.536.229.892 | 12.697.487.663 | - | 577.771.718.109 |
| Số cuối năm | <u>367.015.454.523</u> | <u>63.764.734.809</u> | <u>129.620.332.031</u> | <u>9.642.172.120</u> | <u>-</u> | <u>570.042.693.483</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 142.511.134.474 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|---------------------------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 61.058.712.000 | 3.792.946.199 | 64.851.658.199 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (61.058.712.000) | (3.792.946.199) | (64.851.658.199) |
| Số cuối năm | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 25.603.188.834 | 1.869.104.757 | 27.472.293.591 |
| Khấu hao trong năm | 3.850.253.323 | 284.470.967 | 4.134.724.290 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (29.453.442.157) | (2.153.575.724) | (31.607.017.881) |
| Số cuối năm | - | - | - |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 35.455.523.166 | 1.923.841.442 | 37.379.364.608 |
| Số cuối năm | - | - | - |

Theo hợp đồng thuê tài sản số 02.12.11/HDCTTC-SCSC ngày 27 tháng 12 năm 2011 và số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê. Tại ngày 21 tháng 8 năm 2017 Công ty đã hoàn tất việc mua Tài sản cố định thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing).

9. Tài sản cố định vô hình

| | Chương trình phần mềm máy tính |
|---------------------------------------|-----------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 15.339.962.285 |
| Mua trong năm | 5.586.000.000 |
| Số cuối năm | 20.925.962.285 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 445.575.998 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 9.694.734.087 |
| Khấu hao trong năm | 2.852.631.617 |
| Số cuối năm | 12.547.365.704 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 5.645.228.198 |
| Số cuối năm | 8.378.596.581 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Tạm thời không sử dụng | - |
| Đang chờ thanh lý | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

| | Tòa nhà văn phòng | Sân đậu máy bay | Cộng |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 44.825.141.182 | 98.353.583.105 | 143.178.724.287 |
| Số cuối năm | 44.825.141.182 | 98.353.583.105 | 143.178.724.287 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 6.675.239.403 | 29.406.966.991 | 36.082.206.394 |
| Khấu hao trong năm | 1.162.651.808 | 5.436.393.198 | 6.599.045.006 |
| Số cuối năm | 7.837.891.211 | 34.843.360.189 | 42.681.251.400 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 38.149.901.779 | 68.946.616.114 | 107.096.517.893 |
| Số cuối năm | 36.987.249.971 | 63.510.222.916 | 100.497.472.887 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 4.130.258.591 | 2.677.400.347 | 6.807.658.938 |
| Công trình vách ngăn, hệ thống điện nước tầng 6 tòa nhà SCSC | 4.113.353.591 | 2.637.955.347 | 6.751.308.938 |
| Công trình Tòa nhà văn phòng | 16.905.000 | 39.445.000 | 56.350.000 |
| Cộng | 4.130.258.591 | 2.677.400.347 | 6.807.658.938 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>10.497.000</i> | <i>3.530.433.362</i> |
| Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam | 10.497.000 | 3.530.433.362 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>3.483.705.221</i> | <i>5.043.283.608</i> |
| Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Hàng hoá Sài Gòn | 1.552.565.881 | 2.974.502.321 |
| Công ty TNHH Vận tải Sao Xanh | 481.178.325 | 693.239.129 |
| Công Ty TNHH Cung ứng Nhân Lực Nhân Kiệt | 336.350.851 | 143.246.422 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.113.610.164 | 1.232.295.736 |
| Cộng | 3.494.202.221 | 8.573.716.970 |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Công ty CP Dược phẩm Sanofi Synthelabo Việt Nam | 66.222.679 | - |
| Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept | 140.089.367 | - |
| Văn Phòng Bán vé Hãng Hàng không Lufthansa tại Việt Nam | 139.403.535 | - |
| Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Liên Kết Mỹ | 48.393.774 | 45.475.298 |
| Các khách hàng khác | 57.260.486 | 23.035.585 |
| Cộng | 451.369.841 | 68.510.883 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 2.448.600.803 | 33.210.825.918 | (32.333.081.851) | 3.326.344.870 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 4.128.221 | (4.128.221) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 20.426 | (20.426) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.821.628.865 | 39.977.601.437 | (30.210.778.954) | 16.588.451.348 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 316.639.506 | 7.576.994.818 | (7.211.655.768) | 681.978.556 |
| Các loại thuế khác | - | 228.157.740 | (228.157.740) | - |
| Cộng | 9.586.869.174 | 80.997.728.560 | (69.987.822.960) | 20.596.774.774 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng được áp dụng theo Luật thuế Giá trị gia tăng.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%)

Riêng thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112 ngày 20 tháng 4 năm 2009, Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm (từ năm 2015) theo hướng dẫn Công văn số 5812/CT-TTHT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 384.438.755.141 | 275.355.758.505 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 6.124.798.534 | 3.168.752.457 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (3.785.574.754) | (1.100.856.813) |
| Thu nhập tính thuế | 386.777.978.921 | 277.423.654.149 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 77.355.595.784 | 55.484.730.830 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | (35.250.399.416) | (25.463.572.669) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 42.105.196.368 | 30.021.158.161 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | (2.127.594.931) | 108.758.837 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 39.977.601.437 | 30.129.916.998 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 7.850.303 | 1.102.416.177 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 390.416.934 | 644.541.084 |
| Cộng | <u>398.267.237</u> | <u>1.746.957.261</u> |

17. Doanh thu chưa thực hiện

17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan</i> | <i>6.600.000.000</i> | <i>6.600.000.000</i> |
| Tổng Công ty Hàng không Miền Nam - Tiền trả trước về cho thuê sân đậu máy bay | 6.600.000.000 | 6.600.000.000 |
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i> | <i>2.100.000</i> | <i>152.373.970</i> |
| Tiền trả trước về cho thuê văn phòng | - | 152.373.970 |
| Tiền trả trước về cho thuê hộp thư | 2.100.000 | - |
| Cộng | <u>6.602.100.000</u> | <u>6.752.373.970</u> |

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Trả trước về thuê sân đậu máy bay của Tổng Công ty Hàng không Miền Nam.

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 381.134.095 | 85.112.620 |
| Cổ tức phải trả | 1.786.642.730 | 1.205.502.030 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 21.798.205 | 168.082.645 |
| Cộng | <u>2.189.575.030</u> | <u>1.458.697.295</u> |

18b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược | - | - |
| Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam | 1.062.882.800 | 1.062.882.800 |
| Các khách hàng khác | 9.411.195.299 | 8.700.318.120 |
| Cộng | <u>10.474.078.099</u> | <u>9.763.200.920</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i> | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | 6.736.770.480 | 5.806.253.880 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | - | 12.000.000.000 |
| Cộng | <u>6.736.770.480</u> | <u>17.806.253.880</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Chênh lệch tỉ giá</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 5.806.253.880 | 6.741.214.260 | (4.662.595) | (5.806.035.065) | 6.736.770.480 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 | - | (18.000.000.000) | - |
| Cộng | <u>17.806.253.880</u> | <u>12.741.214.260</u> | <u>(4.662.595)</u> | <u>(23.806.035.065)</u> | <u>6.736.770.480</u> |

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i> | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 3.356.554.755 | 51.930.484.059 |
| Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch 2 ⁽⁰⁾ | 3.356.554.755 | 51.930.484.059 |
| Nợ thuê tài chính | - | 11.998.596.390 |
| Thuê tài chính Công ty TNIII MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê lại máy móc thiết bị ⁽⁰⁾ | - | 11.998.596.390 |
| Cộng | <u>3.356.554.755</u> | <u>63.929.080.449</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

⁽⁰⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Sở giao dịch 2 theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 60866429 ngày 15 tháng 6 năm 2009 với mục đích đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa – Cảng hàng không quốc tế. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 VND với lãi suất được quy định theo từng khối ước nhận nợ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng giá trị ước tính là 896.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 97705549 ngày 06 tháng 10 năm 2010 với mục đích đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa – Cảng hàng không quốc tế. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 50.000.000.000 VND với lãi suất được quy định theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng giá trị ước tính là 640.707.000.000 VND (xem thuyết minh số V.6).
- (ii) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu theo hai hợp đồng:
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.12.11/HDC TTC-SCSC ngày 27 tháng 12 năm 2011 với số tiền 49.726.525.357 VND, thời hạn thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền thuê được hoàn trả hàng quý với lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời gian thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá tối thiểu là 1.000.000 VND.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.12.11/HDC TTC1-SCSC ngày 01 tháng 02 năm 2012 với số tiền 10.272.071.033 VND, thời hạn thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền thuê được hoàn trả hàng quý với lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời gian thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá tối thiểu là 1.000.000 VND.
- Tại ngày 21 tháng 8 năm 2017 Công ty đã hoàn tất việc mua Tài sản cố định thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Tổng nợ</u> | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> |
|-----------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 10.093.325.235 | 6.736.770.480 | 3.356.554.755 |
| Nợ thuê tài chính | - | - | - |
| Cộng | <u>10.093.325.235</u> | <u>6.736.770.480</u> | <u>3.356.554.755</u> |
| Số đầu năm | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 57.736.737.939 | 5.806.253.880 | 51.930.484.059 |
| Nợ thuê tài chính | 23.998.596.390 | 12.000.000.000 | 11.998.596.390 |
| Cộng | <u>81.735.334.329</u> | <u>17.806.253.880</u> | <u>63.929.080.449</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Chênh lệch tỷ giá</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 51.930.484.059 | (41.825.321.750) | (6.741.214.260) | (7.393.294) | 3.356.554.755 |
| Nợ thuê tài chính | 11.998.596.390 | (5.998.596.390) | (6.000.000.000) | - | - |
| Cộng | <u>63.929.080.449</u> | <u>(47.823.918.140)</u> | <u>(12.741.214.260)</u> | <u>(7.393.294)</u> | <u>3.356.554.755</u> |

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Trái phiếu chuyển đổi (Nợ chuyển đổi)

Trái phiếu chuyển đổi là khoản nợ chuyển đổi theo các Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC – 01/04/2015 ngày 09 tháng 4 năm 2015 và SCSC – 02/04/2015 ngày 10 tháng 4 năm 2015. Thông tin chi tiết về khoản nợ chuyển đổi này như sau:

| | |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Thời điểm nhận nợ | : 09/04/2015 và 10/04/2015 |
| - Kỳ hạn gốc | : 24 tháng |
| - Kỳ hạn còn lại | : Đã đáo hạn. Công ty đã chuyển đổi sang 3.264.800 cổ phiếu phổ thông với giá chuyển đổi 12.000 VND/cổ phiếu từ tháng 7 năm 2017. |
| - Giá trị nợ chuyển đổi | : 39.177.600.000 VND |
| - Lãi suất | : 4%/năm |
| - Giá chuyển đổi thành cổ phiếu | : 12.000 VND |
| - Lãi suất chiết khấu | : 7,5% /năm |

Chi tiết giá trị của nợ chuyển đổi như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Giá trị gốc vay còn lại | - | 39.177.600.000 |
| Giá trị cấu phần vốn | (2.462.107.691) | (2.462.107.691) |
| Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa | 2.462.107.691 | 1.913.422.357 |
| Chi phí phát hành | (100.000.000) | (100.000.000) |
| Phân bổ chi phí phát hành | 100.000.000 | 80.555.556 |
| Giá trị nợ chuyển đổi | - | 38.609.470.222 |

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Số đầu năm trước | 480.000.000.000 | - | 6.155.269.227 | 2.090.557.577 | 120.993.589.344 | 609.239.416.148 |
| Diễn chỉnh cấu phần vốn của nợ chuyển đổi | - | - | (3.693.161.536) | - | - | (3.693.161.536) |
| Tăng vốn từ nợ chuyển đổi | 53.772.000.000 | 9.794.400.000 | - | - | - | 63.566.400.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 245.225.841.507 | 245.225.841.507 |
| Chi quỹ trong năm trước | - | - | - | - | (2.556.135.400) | (2.556.135.400) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | (144.349.000.000) | (144.349.000.000) |
| Kết chuyển quyền chọn chuyển đổi trái phiếu sang thặng dư vốn cổ phần các nợ chuyển đổi đã đáo hạn trong năm trước | - | 1.913.324.651 | - | - | - | 1.913.324.651 |
| Các khoản khác | - | - | - | - | (88.454.600) | (88.454.600) |
| Số dư cuối năm trước | 533.772.000.000 | 11.707.724.651 | 2.462.107.691 | 2.090.557.577 | 219.225.840.851 | 769.258.230.770 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 533.772.000.000 | 11.707.724.651 | 2.462.107.691 | 2.090.557.577 | 219.225.840.851 | 769.258.230.770 |
| Lợi nhuận năm nay | - | - | - | - | 344.461.153.704 | 344.461.153.704 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền | 5.337.000.000 | - | - | - | - | 5.337.000.000 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | (6.000.000.000) | (6.000.000.000) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | (237.842.400.000) | (237.842.400.000) |
| Tăng vốn từ nợ chuyển đổi | 32.648.000.000 | 6.529.600.000 | - | - | - | 39.177.600.000 |
| Kết chuyển quyền chọn chuyển đổi trái phiếu sang thặng dư vốn cổ phần các trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn | - | 2.462.107.691 | (2.462.107.691) | - | - | - |
| Số dư cuối năm nay | 571.757.000.000 | 20.699.432.342 | - | 2.090.557.577 | 319.844.594.555 | 914.391.584.474 |

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Gemadept | 184.416.600.000 | 184.416.600.000 |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam | 75.000.000.000 | 75.000.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (*) | 72.025.000.000 | 72.025.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu | - | 12.750.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Việt Á | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đầu tư Sài Gòn hàng không | 57.134.170.000 | 34.280.500.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam | 24.485.830.000 | 14.691.500.000 |
| Các cổ đông khác | 133.695.400.000 | 115.608.600.000 |
| Cộng | 571.757.000.000 | 533.772.000.000 |

(*) Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 góp vốn dưới hai hình thức:

- Bằng quyền khai thác khu đất 14,3 ha để sở hữu 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức trong suốt dự án và không chuyển đổi.
- Bằng tiền để sở hữu 12.500 cổ phiếu phổ thông với quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 57.175.700 | 53.377.200 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 57.175.700 | 53.377.200 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 49.985.700 | 46.187.200 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 7.190.000 | 7.190.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 57.175.700 | 53.377.200 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 49.985.700 | 46.187.200 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 7.190.000 | 7.190.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số SCSC17/HĐQT/NQ/01 ngày 28 tháng 4 năm 2017 như sau:

| | VND |
|--------------------------------------------------|-------------------|
| • Cổ tức đợt 1 năm 2017 của cổ phiếu ưu đãi (*) | : 15.000.000.000 |
| • Cổ tức đợt 2 năm 2017 của cổ phiếu ưu đãi (*) | : 15.000.000.000 |
| • Chia cổ tức năm 2016 cho các cổ đông phổ thông | : 207.842.400.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng năm 2016 | : 6.000.000.000 |

(*) Theo Hợp đồng Hợp tác Khai thác Dịch vụ Tổng hợp Hàng không số 01/2015/PKKQ-SCSC ngày 04 tháng 02 năm 2015 với Quân chủng Phòng không – Không quân, Công ty phải trả lợi nhuận sau thuế cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 (thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân) hàng năm trong suốt thời gian còn lại của dự án (từ năm 2014 đến năm 2057) mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 576,792.92 USD (số đầu năm là 402,679.56 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu khai thác nhà ga | 542.072.848.136 | 455.236.267.193 |
| Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay | 7.006.354.587 | 6.985.427.032 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe sân bóng... và các dịch vụ liên quan | 38.095.574.560 | 33.440.591.803 |
| Doanh thu khác | 1.142.543.943 | 250.789.714 |
| Cộng | 588.317.321.226 | 495.913.075.742 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP. Giao dịch phát sinh trong năm với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP chỉ có giao dịch về cho thuê sân đậu máy bay và cơ sở hạ tầng với số tiền là 6.526.354.587 VND (năm trước là 4.945.427.032 VND).

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn khai thác nhà ga | 123.237.619.456 | 124.071.855.258 |
| Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ liên quan | 6.572.495.905 | 6.484.085.640 |
| Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay | 5.436.393.195 | 6.228.760.542 |
| Giá vốn khác | 196.141.749 | 118.245.716 |
| Cộng | <u>135.442.650.305</u> | <u>136.902.947.156</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi | 4.942.753.144 | 1.203.263.322 |
| Tiền phạt thanh toán chậm | 75.899.172 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 19.047 | 737.425.144 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 1.753.186 | - |
| Cộng | <u>5.020.424.549</u> | <u>1.940.688.466</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 3.590.519.567 | 10.294.903.219 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ | 73.927.863 | 701.629.064 |
| Chi phí lãi thuê tài chính | 968.682.159 | 2.267.392.972 |
| Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi | 150.000.000 | 50.000.000 |
| Tiền phạt trả nợ trước hạn thuê tài chính | 224.980.000 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 187.701.085 | 72.160.114 |
| Cộng | <u>5.195.810.674</u> | <u>13.386.085.369</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 29.970.554.587 | 38.367.609.756 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 6.051.628.908 | 5.277.523.295 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.826.377.402 | 6.730.125.527 |
| Thuế, phí và lệ phí | 130.992.913 | 109.955.666 |
| Chi phí điện, nước | 9.889.077.566 | 9.629.328.074 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 6.291.720.188 | 4.093.362.674 |
| Các chi phí khác | 6.411.540.115 | 5.786.084.960 |
| Cộng | <u>65.571.891.679</u> | <u>69.993.989.952</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Các khoản thuế được hoàn | 508.590.579 | - |
| Thu từ các khoản nợ không phải hoàn trả | 209.068.575 | - |
| Thu nhập khác | 168.670.387 | 235.297.243 |
| Cộng | 886.329.541 | 235.297.243 |

7. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 1.296.000.000 | 1.296.000.000 |
| Phạt do vi phạm hành chính | 424.907.427 | 111.919.250 |
| Chi phí khác | 1.854.060.090 | 1.042.361.219 |
| Cộng | 3.574.967.517 | 2.450.280.469 |

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 344.461.153.704 | 245.225.841.507 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi | (30.000.000.000) | (26.000.000.000) |
| - Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (30.000.000.000) | (26.000.000.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 314.461.153.704 | 219.225.841.507 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 48.266.686 | 42.623.092 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 6.515 | 5.143 |

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 314.461.153.704 | 219.225.841.507 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận: | | |
| - Ảnh hưởng sau thuế của số tiền lãi của nợ có thể chuyển đổi | (1.112.542.863) | (3.054.339.279) |
| - Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | (1.112.542.863) | (3.054.339.279) |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 313.348.610.841 | 216.171.502.228 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 48.266.686 | 45.407.892 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 6.492 | 4.761 |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 48.266.686 | 43.991.624 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm: | | |
| - Nợ chuyển đổi (*) | - | 2.784.800 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 48.266.686 | 46.776.424 |

(*) Số lượng cổ phiếu từ nợ chuyển đổi dùng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.051.628.908 | 5.277.523.295 |
| Chi phí nhân công | 78.603.146.004 | 91.839.718.090 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 55.871.323.857 | 54.428.927.118 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 54.076.903.100 | 49.564.683.645 |
| Chi phí khác | 6.411.540.115 | 5.786.084.960 |
| Cộng | <u>201.014.541.984</u> | <u>206.896.937.108</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương, thưởng | 4.900.868.840 | 3.732.140.212 |
| Thù lao, thưởng của HĐQT và BKS | 1.296.000.000 | 1.296.000.000 |
| Cộng | <u>6.196.868.840</u> | <u>5.028.140.212</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Gemadept | Cổ đông nắm giữ 32,25% cổ phần |
| Công ty TNHH MTV Sửa Chữa máy bay 41 | Cổ đông nắm giữ 12,60% cổ phần và có ảnh hưởng đáng kể |
| Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP | Cổ đông nắm giữ 13,12% cổ phần |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41</i> | | |
| Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi được chia | 30.000.000.000 | 26.000.000.000 |
| Cổ tức được chia | 56.250.000 | 31.250.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Gemadept</i> | | |
| Cổ tức được chia | 82.987.380.000 | 35.312.500.000 |
| <i>Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam</i> | | |
| Cổ tức được chia | 33.750.000.000 | 18.750.000.000 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.17a và V.17b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ và trong một khu vực địa lý là TP. Hồ Chí Minh.

3. Số liệu so sánh

3a. Thay đổi chính sách kế toán

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.6, từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 Công ty đã thay đổi chính sách kế toán đối với việc phân bổ giá trị quyền khai thác khu đất 14,3ha từ phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm) sang không phân bổ.

3b. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán

Việc không phân bổ giá trị quyền khai thác khu đất 14,3ha sẽ làm Lợi nhuận trước thuế từ năm 2009 đến năm 2016 tăng 11.249.659.865 VND, tương ứng mỗi năm tăng 1.467.346.939 VND. Tuy nhiên, Công ty không điều chỉnh hồi tố do việc thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 47.313.663.845 | - | 47.313.663.845 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 124.000.000.000 | - | 124.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 54.978.753.730 | - | 54.978.753.730 |
| Các khoản phải thu khác | 2.318.507.878 | - | 2.318.507.878 |
| Cộng | 228.610.925.453 | - | 228.610.925.453 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 91.576.078.070 | - | 91.576.078.070 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 50.996.456.997 | 50.178.813 | 51.046.635.810 |
| Các khoản phải thu khác | 4.383.312.385 | - | 4.383.312.385 |
| Cộng | 156.955.847.452 | 50.178.813 | 157.006.026.265 |

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Quá hạn trên 3 năm | - | 50.178.813 |
| Cộng | - | 50.178.813 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán | 3.494.202.221 | - | 3.494.202.221 |
| Vay và nợ | 6.736.770.480 | 3.356.554.755 | 10.093.325.235 |
| Nợ chuyển đổi | - | - | - |
| Các khoản phải trả khác | 12.680.786.271 | - | 12.680.786.271 |
| Cộng | 22.911.758.972 | 3.356.554.755 | 26.268.313.727 |
| Số đầu năm | | | |
| Phải trả người bán | 8.573.716.970 | - | 8.573.716.970 |
| Vay và nợ | 17.806.253.880 | 63.929.080.449 | 81.735.334.329 |
| Nợ chuyển đổi | 38.609.470.222 | - | 38.609.470.222 |
| Các khoản phải trả khác | 12.883.742.856 | - | 12.883.742.856 |
| Cộng | 77.873.183.928 | 63.929.080.449 | 141.802.264.377 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 576,792.92 | 402,679.56 |
| Phải thu khách hàng | 492,152.24 | 205,914.75 |
| Vay và nợ | (443,857.75) | (699,709.75) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 625,087.41 | (91,115.44) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 47.313.663.845 | - | 91.576.078.070 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 124.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 54.978.753.730 | - | 51.046.635.810 | (50.178.813) |
| Các khoản phải thu khác | 2.318.507.878 | - | 4.383.312.385 | - |
| Cộng | 228.610.925.453 | - | 157.006.026.265 | (50.178.813) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 3.494.202.221 | 8.573.716.970 |
| Vay và nợ | 10.093.325.235 | 81.735.334.329 |
| Nợ chuyển đổi | - | 38.609.470.222 |
| Các khoản phải trả khác | 12.680.786.271 | 12.883.742.856 |
| Cộng | 26.268.313.727 | 141.802.264.377 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Địa chỉ: số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018



Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

